TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HS-ST
Ngày 29 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình La

Bà Hoàng Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST- HS ngày 21 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 28/10/1999; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Hà T và bà Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 54/2017/HSST ngày 19/9/2017 Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (bị cáo dưới 18 tuổi). Ngày 13/11/2017, đã nộp đủ án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Ngày 06/02/2019, chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2021 đến nay (có mặt).

2. Trần Văn C, sinh ngày 22/12/1975; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn L và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Hà Thị G và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 4196/QĐ-CT ngày 28/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TD, quyết định áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Vĩnh Phúc, thời hạn 24 tháng; chấp hành xong ngày 28/7/2012.

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37/QĐ-XPHC ngày 13/4/2015 của Công an phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; chấp hành xong ngày 13/4/2015.

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0125/QĐ-XPHC ngày 14/02/2020 của Công an huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; chấp hành xong ngày 17/02/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2021 đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Hà Văn D, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn C và Phạm Văn T là những người nghiện chất ma túy, có nhân thân xấu. C và T bàn bạc và thống nhất với nhau: Nếu có ai hỏi mua ma túy đá của C thì C giới thiệu cho T để T bán thì T cho C ma túy để sử dụng hoặc tiền.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 01/11/2021, Nguyễn Ngọc H gọi điện cho Trần Văn C hỏi mua 01 gói nhỏ ma túy đá với số tiền 300.000 đồng để sử dụng cho bản thân. C đồng ý và chỉ dẫn H đến khu vực lán bán thịt lợn ở đầu đường rẽ vào nhà C đợi. Khi H gọi điện hỏi mua ma túy của C thì Phạm Văn T đang chơi ở nhà C nên C gọi T lên phòng của C ở tầng 02 rồi nói với T việc H đặt mua 300.000 đồng ma túy đá. C bảo T cầm ma túy đá ra bán cho H, khi bán ma túy xong thì mua cho C một thẻ điện thoại Viettell mệnh giá 50.000 đồng để trả công. T đồng ý rồi đi xuống tầng 01 thấy có 01 khẩu trang y tế màu đen đã qua sử dụng ở cửa sổ đầu cầu thang lên tầng 02, T lấy chiếc khẩu trang giấu túi nhỏ ma túy đá vào bên trong cầm ở tay rồi đi ra cổng nhà C thì gặp Nguyễn Văn V, sinh năm 2000 ở cùng thôn với T điều khiển xe máy BKS: 14P5 – 92.49 chở Dương Văn C1, sinh năm 1990 hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện T đi đến nhà C chơi nên T mượn xe của V đi ra chỗ hẹn. Khi đến gần điểm hẹn, T thả khẩu trang có túi nhỏ ma túy đá xuống mép đường chờ H, khoảng 05 phút sau, H đi xe ôm của một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ đến nên T hỏi: *"Có phải chỗ anh C không"* Htrả lời: *"Đúng rồi"* và đưa cho T 300.000

đồng để mua ma túy, T cầm tiền rồi chỉ H túi ma túy trong khẩu trang dưới mép đường, H chưa kịp nhặt túi ma túy thì Công an huyện TD phát hiện và bắt quả tang, người lái xe ôm chở H bỏ chạy. Cơ quan Công an đã thu giữ ở dưới nền đường 01 khẩu trang y tế màu đen, bên trong có một túi nilon màu trắng, viền khóa màu xanh chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng, được niêm phong ký hiệu A1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone trong túi quần của T, số tiền 300.000 đồng trên tay trái của T, 01 xe mô tô BKS 14P5 - 92.49, 01 điện thoại di động màu đen ghi chữ Masstel của H.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TDđã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật đối với Trần Văn C. Quá trình khám xét thu giữ: 01 vỏ túi nilon màu trắng đã qua sử dụng thu giữ tại nền nhà trước cửa phòng ngủ ở tầng 01 của Trần Văn Q (con trai C); 01 hộp giấy bên trong có 02 đầu coong thủy tinh, 04 ống hút nhựa đã qua sử dụng, 02 nắp chai nhựa được đục 02 lỗ trên nắp chai và 01 chai nhựa màu trắng có chữ STING trong phòng Trần Văn Q; 01 vỏ túi nilon màu trắng đã qua sử dụng dưới nền đất và 02 vỏ túi nilon, 02 bật lửa trong tủ quần áo trong phòng ngủ của Trần Văn C ở tầng 01; Thu giữ trong phòng ngủ của Trần Văn C trên tầng 02: 01 vỏ chai nhựa có chữ STING có gắn đầu coong thủy tinh và ống hút, 01 vỏ túi nilon màu trắng viền xanh đã qua sử dụng và 01 bình gas mini gắn đầu khò; Thu giữ của Trần Văn C 01 điện thoại di động màu hồng nhãn hiệu VIVO.

Ngày 01/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật đối với Phạm Văn T. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật tài sản gì.

Tại bản kết luận giám định số: 2898/KLGĐ ngày 05/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2204gam, loại Methamphetamine.*

Về nguồn gốc số ma túy bán cho Nguyễn Ngọc H, Phạm Văn T khai nhận: Chiều 30/10/2021, T mua của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ ở khu vực xã Thái Hòa, huyện Lập Thạch 01 gói ma túy đá với giá 500.000đ, T đã sử dụng hết hơn ½, còn lại T bán cho H thì bị Công an bắt quả tang.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho T ở khu vực xã Thái Hòa, huyện Lập Thạch, do T không xác định được tên, địa chỉ cũng như đặc điểm nhận dạng nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh làm rõ. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh điều tra làm rõ, đề nghị xử lý sau.

Đối với Nguyễn Ngọc H: Ngày 01/11/2021, H đã liên lạc để mua ma túy của Trần Văn C. Sau đó Phạm Văn T đã đến gặp H để giao dịch bán ma túy, tuy nhiên H mới đưa tiền cho T, chưa nhận được ma túy thì bị bắt quả tang, hành vi của H không đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên Cơ quan điều tra không

đề cập xử lý đối với Nguyễn Ngọc H.

Đối với anh Hà Văn D là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 14P5 - 92.49. Quá trình điều tra xác định, anh D cho Nguyễn Văn V mượn xe, sau đó V cho T mượn xe. Việc T mượn xe để đi bán ma túy, D và V không biết nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét xử lý hình sự đối với D và V.

Tại Cáo trạng số: 20/CT- VKSTD ngày 19/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương truy tố bị cáo Phạm Văn T và Trần Văn C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương đề nghị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T và Trần Văn C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Phạm Văn T và Trần Văn C; đề nghị xử phạt Phạm Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, xử phạt Trần Văn C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam; Do bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn C không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T và Trần Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 01/11/2021, Nguyễn Ngọc H gọi điện cho Trần Văn C hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá. C đồng ý và nói với T việc H đặt mua ma túy đá, C bảo T cầm ma túy ra bán cho H, bán ma túy xong mua cho C một thẻ điện thoại Viettell mệnh giá 50.000 đồng để trả công cho C. T đồng ý rồi cầm 01 túi nhỏ ma túy đá ra khu vực đường 309 thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện TD để bán cho H. T và H đang trao đổi mua bán trái phép 01 túi ma túy, loại Methamphetamine có khối

lượng 0,2204gam với giá 300.000 đồng thì bị Công an huyện TD phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn T và Trần Văn C đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: *"Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm."*

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn mua bán để kiếm lời. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn. Xét vai trò của từng bị cáo thấy, Phạm Văn T là người giữ vai trò chính, nguồn gốc số ma túy ngày 01/11/2021 là của Phạm Văn T và T là người trực tiếp giao ma túy cho H theo sự chỉ đạo của Trần Văn C; còn Trần Văn C là người trực tiếp trao đổi, thỏa thuận về việc bán ma túy cho H. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo Phạm Văn Tvà Trần Văn C đều là những người có nhân thân xấu. Đối với bị cáo T, năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện TD xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đối với bị cáo Trần Văn C, năm 2010 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TD ra quyết định áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng; ngày 13/4/2015 bị Công an phường L Bảo, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 14/02/2020 bị Công an huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; Tuy nhiên các bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình

phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo T ở khu vực xã Thái Hòa, huyện Lập Thạch; do Thành không xác định được tên, địa chỉ cũng như đặc điểm nhận dạng nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh làm rõ. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh điều tra làm rõ, đề nghị xử lý sau.

Đối với Nguyễn Ngọc Hlà người mua ma túy của C và T nhằm mục đích sử dụng cho bản thân; tuy nhiên H mới đưa tiền cho T, chưa nhận được ma túy thì bị bắt quả tang, hành vi của H không đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Ngọc H.

Đối với anh Hà Văn D là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 14P5 - 92.49. Quá trình điều tra xác định, anh D cho Nguyễn Văn V mượn xe, sau đó V cho T mượn xe. Việc T mượn xe để đi bán ma túy, D và V không biết nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét xử lý hình sự đối với D và V.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với mẫu trả sau khi giám định có khối lượng A1 = 0,1804 gam ma túy loại Methamphetamine và toàn bộ bao gói được niêm phong trong cùng một bao gói giấy ghi "MẪU TRẢ" là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 300.000 đồng là tiền Nguyễn Ngọc H đưa cho Phạm Văn T để mua ma túy, cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Phạm Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel của Nguyễn Ngọc H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Trần Văn C; xác định là công cụ, phương tiện T, C và H sử dụng vào việc trao đổi mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 14P5 - 92.49. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Hà Văn D, anh D cho Nguyễn Văn V mượn xe, sau đó V cho bị cáo T mượn xe. Việc T mượn xe để đi bán ma túy, D và V không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Hà Văn D để quản lý sử dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, xử lý.

Đối với 04 vỏ túi nilon màu trắng; 01 hộp giấy bên trong có 02 đầu coong thủy tinh; 04 ống hút nhựa đã qua sử dụng; 02 nắp chai nhựa được đục 02 lỗ trên nắp chai; 01 chai nhựa màu trắng có chữ STING; 02 bật lửa; 01 vỏ chai nhựa có chữ STING có gắn đầu coong thủy tinh và ống hút; 01 vỏ túi nilon màu trắng viền xanh đã qua sử dụng và 01 bình gas mini có gắn đầu khò. Xác định là đồ vật của Trần Văn C dùng để sử dụng ma túy đá, không còn giá trị sử dụng, C không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T và Trần Văn C phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T và Trần Văn C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (Hai) năm 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 01/11/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn C 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 02/11/2021.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật hoàn trả còn lại sau giám định là A1= 0,1804 gam ma túy và toàn bộ bao gói được niêm phong trong cùng một bao gói giấy ghi "MẪU TRẢ".

Tịch thu, tiêu hủy 04 vỏ túi nilon màu trắng; 01 hộp giấy bên trong có 02 đầu coong thủy tinh; 04 ống hút nhựa đã qua sử dụng; 02 nắp chai nhựa được đục 02 lỗ trên nắp chai; 01 chai nhựa màu trắng có chữ STING; 02 bật lửa; 01 vỏ chai nhựa có chữ STING có gắn đầu coong thủy tinh và ống hút; 01 vỏ túi nilon màu trắng viền xanh đã qua sử dụng và 01 bình gas mini có gắn đầu khò.

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng.

Tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Phạm Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel của Nguyễn Ngọc H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Trần Văn C.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/3/2022 giữa Công an huyện TD với Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Văn T và Trần Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện TD;
- Công an huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Lưu HS,VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh